

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THƯỢNG THANH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế cuối kì I, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1004	172	190	185	221	236
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1004	172	190	185	221	236

Kết quả thống kê đánh giá, xếp loại HS cuối kì I, năm học 2024-2025

1. Chất lượng giáo dục

[illegible]

4. Tự nhiên và Xã hội	547	545	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2											
Hoàn thành tốt		311	84	45	1			114	63	2	1		113	60	3	2											
Hoàn thành		232	85	37	1	1		75	19	2			72	29													
Chưa hoàn thành		2	2	1																							
5. Khoa học	457	454															220	107	5	1		234	105	5	3		
Hoàn thành tốt		186															137	75	3	1		49	19	1			
Hoàn thành		256															83	32	2			173	83	4	3		
Chưa hoàn thành		12																				12	3				
6. LS&ĐL	457	454															220	107	5	1		234	105	5	3		
Hoàn thành tốt		247															148	82	3	1		99	45	1			
Hoàn thành		202															72	25	2			130	56	4	3		
Chưa hoàn thành		5																				5	4				
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Hoàn thành tốt		451	72	42	2	1		78	53				86	52	2	2		101	67	2	1		114	61	1		
Hoàn thành		547	99	41				111	29	4	1		98	36	1			119	40	3			120	44	4	3	
Chưa hoàn thành		1											1	1													
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Hoàn thành tốt		404	73	45	1			78	53				81	53	1	1		84	58	3	1		88	53	1	1	
Hoàn thành		594	98	38	1	1		111	29	4	1		103	35	2	1		136	49	2			146	52	4	2	
Chưa hoàn thành		1											1	1													
9. Hoạt động trải nghiệm	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Hoàn thành tốt		569	84	47	1			116	67	2	1		116	64	3	2		141	83	3	1		112	61			
Hoàn thành		429	86	35	1	1		73	15	2			69	25				79	24	2			122	44	5	3	
Chưa hoàn thành		1	1	1																							
10. Giáo dục thể chất	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Hoàn thành tốt		438	67	38	1			84	49				78	46	2	2		103	63	3	1		106	58	1		
Hoàn thành		561	104	45	1	1		105	33	4	1		107	43	1			117	44	2			128	47	4	3	
Chưa hoàn thành																											
11. TH-CN (Công nghệ)	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	

<i>Tính toán</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		592	104	56	1			120	63	2	1		109	57	3	2		124	69	4	1		135	63	2	1	
Đạt		404	65	26	1	1		69	19	2			75	31				96	38	1			99	42	3	2	
Cần cố gắng		3	2	1									1	1													
<i>Tin học</i>	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		354											101	56	2	2		127	73	3	1		126	61	2	1	
Đạt		285											84	33	1			93	34	2			108	44	3	2	
Cần cố gắng																											
<i>Công nghệ</i>	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		431											127	66	3	2		144	80	4	1		160	82	3	2	
Đạt		208											58	23				76	27	1			74	23	2	1	
Cần cố gắng																											
<i>Khoa học</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		580	87	48	1			104	58	2	1		120	66	3	2		134	75	3	1		135	67	3	2	
Đạt		417	82	34	1	1		85	24	2			65	23				86	32	2			99	38	2	1	
Cần cố gắng		2	2	1																							
<i>Thẩm mĩ</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		504	79	46	1			108	65	2	1		97	59	2	2		110	67	4	1		110	62	1	1	
Đạt		494	92	37	1	1		81	17	2			87	29	1			110	40	1			124	43	4	2	
Cần cố gắng		1											1	1													
<i>Thể chất</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		544	87	46	1			125	57	2	1		93	48	2	2		118	68	4	1		121	59			
Đạt		455	84	37	1	1		64	25	2			92	41	1			102	39	1			113	46	5	3	
Cần cố gắng																											
<i>III. Phẩm chất chủ yếu</i>																											
<i>Yêu nước</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		847	125	66	1			170	80	3	1		167	87	3	2		154	81	4	1		231	105	5	3	
Đạt		152	46	17	1	1		19	2	1			18	2				66	26	1			3				
Cần cố gắng																											
<i>Nhân ái</i>	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		828	123	68	2	1		172	80	4	1		161	81	3	2		163	88	4	1		209	101	4	3	
Đạt		171	48	15				17	2				24	8				57	19	1			25	4	1		

Cần cố gắng																											
Chăm chỉ	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		606	93	50	1			121	69	3	1		133	67	3	2		125	76	3	1		134	71	3	2	
Đạt		392	77	33	1	1		68	13	1			52	22				95	31	2			100	34	2	1	
Cần cố gắng		1	1																								
Trung thực	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		785	122	69	2	1		161	77	3	1		149	78	2	2		150	84	4	1		203	95	5	3	
Đạt		214	49	14				28	5	1			36	11	1			70	23	1			31	10			
Cần cố gắng																											
Trách nhiệm	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Tốt		659	85	45	1			132	72	2	1		137	74	3	2		129	75	3	1		176	89	2	1	
Đạt		340	86	38	1	1		57	10	2			48	15				91	32	2			58	16	3	2	
Cần cố gắng																											
IV. HS.K.Tật	5	5	1	1			1	1	1			1						1	1			1	2	1			2

2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5								
			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số							
				Nữ	DT	Nữ dân tộc		KT	Nữ	DT		Nữ dân tộc	KT	Nữ		DT	Nữ dân tộc	KT		Nữ	DT	Nữ dân tộc	KT				
I. Kết quả học tập																											
1. Tiếng Việt	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		84	30	17	1			11	8				14	11				27	17	2	1		2	1			
Điểm 9		367	46	21				59	34	1	1		84	49	2	2		87	54	1			91	51	1	1	
Điểm 8		266	43	22				52	21				50	18	1			53	23				68	34	1		
Điểm 7		157	23	6	1	1		33	9	2			29	8				24	8	1			48	16	3	2	
Điểm 6		78	17	13				16	6				4	2				17	2	1			24	2			
Điểm 5		38	8	3				13	3	1			4	1				12	3				1	1			
Dưới điểm 5		9	4	1				5	1																		
2.Toán	1004	999	171	83	2	1		189	82	4	1		185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		221	33	17	1			32	13				37	22	1			65	30	4	1		54	25			
Điểm 9		314	63	35				54	33	1			70	36	2	2		68	36				59	23	1		
Điểm 8		205	39	21				44	14	1	1		47	20				33	18				42	22	2	2	

Điểm 7		124	20	6	1	1		27	9	1			20	5				24	13	1			33	15	1		
Điểm 6		73	11	2				15	7	1			5	2				16	6				26	13	1	1	
Điểm 5		52	3	1				14	6				5	3				13	4				17	6			
Dưới điểm 5		10	2	1				3					1	1				1					3	1			
3. TH-CN (Công nghệ)	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		196											61	37	2	2		61	34	3	1		74	31			
Điểm 9		250											71	29	1			98	52	1			81	39	4	2	
Điểm 8		111											29	15				33	10	1			49	21	1	1	
Điểm 7		50											13	3				20	8				17	8			
Điểm 6		15											7	3				2					6	4			
Điểm 5		15											4	2				6	3				5	1			
Dưới điểm 5		2																					2	1			
4. TH-CN (Tin học)	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		124											29	16	1	1		40	23				55	34			
Điểm 9		244											78	42	1	1		84	48	2	1		82	35			
Điểm 8		127											32	16				46	23				49	22	4	3	
Điểm 7		88											28	10	1			32	8	3			28	13	1		
Điểm 6		31											11	3				8	4				12	1			
Điểm 5		25											7	2				10	1				8				
Dưới điểm 5																											
5. Ngoại ngữ	642	639											185	89	3	2		220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		152											35	25				53	28	2	1		64	29	2	1	
Điểm 9		193											46	24	1	1		79	42				68	32			
Điểm 8		115											39	14	1	1		40	23	2			36	16	2	1	
Điểm 7		88											30	12	1			27	10				31	16	1	1	
Điểm 6		47											13	6				14	2				20	8			
Điểm 5		44											22	8				7	2	1			15	4			
Dưới điểm 5																											
6. Khoa học	457	454																220	107	5	1		234	105	5	3	
Điểm 10		88																80	48	2	1		8	6			
Điểm 9		80																54	23	1			26	10	1		
Điểm 8		89																38	19	1			51	23			
Điểm 7		74																16	8				58	30	1	1	
Điểm 6		80																17	6	1			63	26	2	2	
Điểm 5		30																15	3				15	7	1		

Dưới điểm 5		13																				13	3			
7. Lịch sử và Địa lý	457	454																220	107	5	1		234	105	5	3
Điểm 10		142																101	59	3	1		41	18		
Điểm 9		98																45	23				53	26	1	
Điểm 8		77																28	10	1			49	23	2	2
Điểm 7		67																15	7				52	21	2	1
Điểm 6		36																14	5				22	8		
Điểm 5		28																17	3	1			11	5		
Dưới điểm 5		6																					6	4		

Thượng Thanh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Vân